

HỌC VIỆN NGÂN HÀNG
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



TIỂU LUẬN KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học

ĐỀ TÀI: Sự biến đổi chức năng gia đình trong thời kỳ
quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

Giảng viên hướng dẫn : Nguyễn Thế Hùng

Sinh viên thực hiện : Nguyễn Yến Linh

Lớp : PLT09A.03

Mã sinh viên : 22A4060125.

Hà nội, ngày 06 tháng 01 năm 2021

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	1
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	2
4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu.....	3
5. Ý nghĩa lý luận và ý nghĩa thực tiễn của đề tài.....	3
NỘI DUNG	4
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CHỨC NĂNG CỦA GIA ĐÌNH	4
1. Khái niệm về gia đình.....	4
2. Vị trí.....	4
3. Chức năng của gia đình.....	4
4. Sự biến đổi chức năng của gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.....	5
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VỀ GIA ĐÌNH VIỆT NAM HIỆN NAY ...7	
1. Chức năng tái sản xuất ra con người.....	7
2. Chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng.....	9
3. Chức năng nuôi dưỡng giáo dục.....	10
4. Chức năng thỏa mãn tâm sinh lý, duy trì tình cảm gia đình.....	12
CHƯƠNG 3: QUAN ĐIỂM CÁ NHÂN ĐỐI VỚI CÁC VẤN ĐỀ TRONG GIA ĐÌNH XÃ HỘI HIỆN NAY	14
1. Quan điểm cá nhân về những biến đổi chức năng của gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	14
2. Quan điểm cá nhân về các gia đình mới trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.....	16
KẾT LUẬN	20
TÀI LIỆU THAM KHẢO	21

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài:

Gia đình là tế bào của xã hội, một thiết chế xã hội tồn tại bền vững, gắn bó với nhau trên cơ sở kết hợp những thành viên khác giới của bố mẹ, thông qua hôn nhân không cùng huyết thống để tái sản xuất nòi giống; hoặc thông qua quan hệ nuôi dưỡng (con nuôi...) cùng làm kinh tế, nuôi dạy con cái trưởng thành, hiếu thảo, biết thương yêu mọi người, có trách nhiệm; trở thành người công dân có đạo đức, học vấn, nghề nghiệp, văn hóa và tạo dựng cuộc sống gia đình no ấm, hòa thuận, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: "Nhiều gia đình cộng lại mới thành xã hội, gia đình tốt thì xã hội mới tốt, xã hội tốt thì gia đình càng tốt. Hạt nhân của xã hội là gia đình". Tư tưởng Hồ Chí Minh đã được Đảng và Nhà nước quán triệt trong Nghị quyết của các kỳ Đại hội Đảng và trong các bộ luật liên quan, với các nội dung hướng tới việc củng cố vị trí, vai trò và chức năng của gia đình. Hiện nay, Việt Nam đang xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, bên cạnh đó xây dựng gia đình đang trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội cũng là một vấn đề đặt ra với Đảng và nhà nước ta. Quá trình này cũng đặt ra những vấn đề, thách thức trước những chuyển biến của các chức năng gia đình Việt Nam hiện nay.

Xuất phát từ câu hỏi: Chức năng của gia đình Việt Nam hiện nay đã có những chuyển biến như thế nào? Từ đó tôi chọn đề tài "*Sự biến đổi chức năng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay*", để làm rõ các chức năng và các vấn đề đang xảy ra có chuyển biến tích cực hay tiêu cực của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Rút ra các bài học và nhận thức một cách đúng đắn chân thực nhất về gia đình Việt Nam hiện tại.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài:

Mục đích nghiên cứu: Làm rõ những biến chuyển về chức năng của gia đình Việt nam trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Từ đó, khẳng định gia đình ở Việt Nam hiện nay dễ thích nghi với văn hóa và bình đẳng hơn về các yếu tố mới. Nhà nước từ đó xây dựng một xã hội công bằng và văn minh đảm bảo cho mọi công dân của mình được bình đẳng trong mọi khía cạnh của cuộc sống.

Nhiệm vụ nghiên cứu: Phân tích và chứng minh những biến đổi về chức năng cả gia đình Việt Nam trong giai đoạn quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Từ đó đưa ra một số những đề xuất phương hướng xây dựng gia đình và nâng cao chức năng của gia đình trong giai đoạn hiện nay của Việt Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:

Đối tượng nghiên cứu: Chức năng của gia đình trong thời kỳ quá độ lên xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Phạm vi nghiên cứu: Nghiên cứu trong phạm vi Việt Nam hiện nay.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu:

Cơ sở lý luận: Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam về gia đình và xây dựng gia đình nói chung và ở Việt Nam nói riêng trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Phương pháp nghiên cứu: Phương pháp luận dựa trên chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

Các phương pháp nghiên cứu cụ thể: logic và lịch sử, phân tích và tổng hợp, khảo sát và tổng kết thực tiễn, so sánh,... Để từ đó làm rõ vấn đề mà đề tài nói đến là sự biến đổi chức năng gia đình trong xã hội hiện nay và thực trạng gia đình ở Việt Nam.

5. Ý nghĩa lý luận và ý nghĩa thực tiễn của đề tài:

Ý nghĩa lý luận: Trang bị nhận thức chính trị - xã hội và phương pháp luận khoa học về sự ra đời và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Ý nghĩa thực tiễn: Tạo cơ sở khoa học để tiếp tục bổ sung, làm rõ con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Từ cơ sở nghiên cứu, phân tích, đánh giá thực trạng việc thực hiện chức năng gia đình và xác định một số vấn đề đặt ra trong thực hiện chức năng gia đình ở Việt Nam trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bài tiểu luận cũng cung cấp những luận chứng khoa học cho việc đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy tác động tích cực và hạn chế tác động tiêu cực đến việc thực hiện chức năng gia đình.

NỘI DUNG

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CHỨC NĂNG CỦA GIA ĐÌNH

1. Khái niệm về gia đình:

Gia đình là một hình thức cộng đồng xã hội đặc biệt, được hình thành, duy trì, và củng cố chủ yếu dựa trên cơ sở hôn nhân, quan hệ huyết thống, quan hệ nuôi dưỡng, cùng với các quy định về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.

2. Vị trí của gia đình:

Gia đình là tế bào của xã hội, có vai trò quan trọng đối với sự tồn tại, vận động, và phát triển của xã hội. Tuy nhiên, mức độ tác động của gia đình đối với xã hội lại phụ thuộc vào bản chất của từng chế độ xã hội, vào đường lối, chính sách của giai cấp cầm quyền, và phụ thuộc vào chính bản thân mô hình, kết cấu, đặc điểm của mỗi hình thức gia đình trong lịch sử. Vì vậy, trong mỗi giai đoạn của lịch sử, tác động của gia đình đối với xã hội không hoàn toàn giống nhau.

Gia đình là tổ ấm, nơi mang lại các giá trị, niềm hạnh phúc, và sự hài hòa trong đời sống cá nhân của mỗi thành viên. Gia đình là môi trường tốt nhất để mỗi cá nhân được yêu thương, nuôi dưỡng, chăm sóc, trưởng thành, phát triển. Sự yên ổn, hạnh phúc của mỗi gia đình là tiền đề, điều kiện quan trọng cho sự hình thành, phát triển nhân cách, thể lực, trí lực để trở thành công dân tốt cho xã hội.

Gia đình là cầu nối giữa cá nhân với xã hội, không thể có cá nhân bên ngoài gia đình, cũng không thể có cá nhân bên ngoài xã hội; do chịu ảnh hưởng của hoàn cảnh lịch sử và chế độ xã hội, nên đặc điểm của gia đình ở mỗi xã hội là khác nhau.

3. Chức năng của gia đình:

Chức năng tái sản xuất ra con người: Đây là chức năng đặc thù nhất của gia đình. Chức năng này một mặt đáp ứng nhu cầu tự nhiên, mặt khác nó mang ý nghĩa xã hội lớn lao là cung cấp những công dân mới, đảm bảo cho sự phát triển liên tục và sự trường tồn của xã hội loài người.

Chức năng nuôi dưỡng, giáo dục: Đây là chức năng xã hội hết sức quan trọng vì làm tốt chức năng này gia đình thực sự góp phần quan trọng vào việc đào tạo thế hệ trẻ nói chung, vào việc duy trì, phát triển truyền thống đạo đức, văn hóa dân tộc,...

Chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng: Nhằm tạo thu nhập cho gia đình, đảm bảo các nhu cầu thiết yếu nhất của các thành viên trong gia đình. Qua đó, gia đình có cơ sở để tổ chức đời sống (vật chất và tinh thần), nuôi dạy, giáo dục con cái, đồng thời góp một phần to lớn vào sự nghiệp xây dựng xã hội bằng việc làm cụ thể.

Chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm gia đình: Chức năng này có vị trí đặc biệt quan trọng, cùng với các chức năng khác tạo ra khả năng thực tế để xây dựng gia đình hạnh phúc, đồng thời là những tiền đề cần thiết cho một thái độ, hành vi tích cực của cá nhân trong cuộc sống gia đình và xã hội.

Chức năng văn hóa: Gia đình là nơi lưu giữ, kế thừa, và sáng tạo truyền thống văn hóa dân tộc và tộc người, thể hiện qua phong tục, tập quán, sinh hoạt văn hóa trong gia đình.

Chức năng chính trị: Gia đình là một tổ chức chính trị thu nhỏ của xã hội, là nơi tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật nhà nước và quy chế địa phương (hoặc hương ước làng xã), là cầu nối của mối quan hệ giữa công dân với nhà nước.

4. Sự biến đổi về chức năng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam:

Biến đổi về quy mô, kết cấu của gia đình: Gia đình Việt Nam đang ở bước quá độ, khi xã hội chuyển từ nông nghiệp cổ truyền sang công nghiệp hiện đại; do đó, cấu trúc gia đình truyền thống (đa thế hệ) dần tan rã, từng bước được thay thế bằng cấu trúc gia đình hạt nhân (hai thế hệ).

Biến đổi về các chức năng của gia đình:

Thứ nhất, chức năng tái sản xuất ra con người: Chịu ảnh hưởng của chính sách kế hoạch hóa gia đình, dẫn đến các tỷ lệ về sinh đẻ, nam – nữ, và độ tuổi đều thay đổi.

Thứ hai, chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng: Kinh tế gia đình chuyển từ sản xuất tự túc tự cấp sang sản xuất hàng hóa, không chỉ đáp ứng nhu cầu trong nước mà còn hướng đến đáp ứng nhu cầu ngoài nước; với thu nhập ngày càng tăng, gia đình thực sự trở thành một đơn vị tiêu dùng quan trọng của xã hội.

Thứ ba, chức năng nuôi dưỡng, giáo dục: Việc đầu tư cho nuôi dưỡng, giáo dục con cái của gia đình đang tăng lên; không chỉ giáo dục con cái về đạo đức, ứng xử, kỹ năng mà còn giáo dục tri thức khoa học công nghệ, ngoại ngữ, và hướng đến hòa nhập quốc tế.

Thứ tư, chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm gia đình: Trong gia đình hiện nay, nhu cầu thỏa mãn tâm sinh lý và tình cảm đang tăng lên, cùng với việc coi trọng tự do cá nhân hơn ở mỗi thành viên, đã và đang làm biến đổi chức năng này.

Biến đổi quan hệ gia đình: Biến đổi quan hệ hôn nhân và quan hệ vợ chồng, biến đổi quan hệ giữa các thế hệ với các giá trị và chuẩn mực văn hóa khác nhau.

CHƯƠNG 2: LIÊN HỆ THỰC TRẠNG VỀ GIA ĐÌNH VIỆT NAM HIỆN NAY

1. Chức năng tái sản xuất ra con người:

Trong những năm qua, công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình đã được Đảng và Nhà nước quan tâm đặc biệt với rất nhiều chủ trương, chính sách cũng như các văn bản định hướng, chỉ đạo thực hiện. Tuy nhiên, hiện nay nước ta đang có xu hướng biến động và có sự khác biệt lớn giữa các vùng miền, khu vực về mức sinh, đòi hỏi phải có điều chỉnh, hướng dẫn cụ thể kịp thời theo đặc thù từng địa phương để bảo đảm sự phát triển bền vững của đất nước từ công tác dân số.

Theo kết quả cuộc Tổng điều tra Dân số và Nhà ở năm 2019, hiện nay, dân số nước ta là 96,2 triệu người, đứng thứ 3 trong khu vực Đông Nam Á và thứ 15 trên thế giới. Việt Nam hiện đang ở trong thời kỳ dân số “vàng”. Tỷ lệ tăng dân số bình quân năm giai đoạn 2009 - 2019 là 1,14%/năm. Việt Nam vẫn duy trì mức sinh ổn định trong hơn một thập kỷ qua, xu hướng sinh hai con ở Việt Nam là phổ biến. Bên cạnh đó, chất lượng dân số được cải thiện về nhiều mặt, tuổi thọ trung bình đạt 73,6 tuổi, cao hơn nhiều nước có cùng mức thu nhập bình quân đầu người; tình trạng suy dinh dưỡng, tử vong bà mẹ, trẻ em giảm mạnh; tầm vóc, thể lực người Việt Nam từng bước được cải thiện. Thế nhưng, hiện tại, công tác dân số cũng đang đứng trước nhiều khó khăn, thách thức.

Hiện nay, mức sinh giữa các vùng có chênh lệch khá lớn. Xu thế mức sinh giảm xuống quá thấp đã xuất hiện ở nhiều khu vực. Mất cân bằng giới tính khi sinh tăng nhanh, đã ở mức nghiêm trọng. Lợi thế dân số vàng chưa được tận dụng tốt. Già hóa dân số diễn ra với tốc độ quá nhanh, song các giải pháp thích ứng chưa được triển khai. Chất lượng dân số còn nhiều hạn chế... Như vậy, một trong những thách thức là mức sinh giữa các vùng có chênh lệch khá lớn, mà mức sinh giảm xuống quá thấp một số khu vực đã có, là

nguy cơ rất khó khắc phục. Điều này dẫn đến suy giảm, thiếu nguồn lao động, giai đoạn cơ cấu dân số vàng ngừng lại, già hóa dân số diễn ra nhanh, bất lợi đối với sự phát triển của đất nước.

Thứ hai, theo đánh giá của Quỹ Dân số Liên hợp quốc tại Việt Nam, mất cân bằng giới tính khi sinh đang là mối lo ngại ngày càng tăng tại một số quốc gia Châu Á, trong đó Việt Nam là một trong số các quốc gia mất cân bằng giới tính khi sinh. Tại Hội nghị tập huấn các vấn đề mới của Nghị quyết 21/NQ-TW với giới truyền thông vừa diễn ra tại Hà Nội, bà Nguyễn Thị Ngọc Lan, Phó Tổng cục trưởng Dân số - Kế hoạch hóa gia đình (DS-KHHGD), Bộ Y tế đã báo động về tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh. Theo số liệu, mức chuẩn sinh học bình thường là 105 trẻ trai/100 trẻ gái chào đời, tuy nhiên hiện tỷ lệ mất cân bằng này đang tăng dần, đặc biệt ở các tỉnh khu vực phía Bắc. Sơn La là tỉnh đứng đầu về tỷ lệ chênh lệch giới tính khi sinh với 120 trẻ trai/100 trẻ gái. Bốn tỉnh tiếp theo là Hưng Yên 118,6 trai/100 gái; Bắc Ninh 117,6 trai/100 gái; Thanh Hóa 117,2 trai/100 gái; Hải Dương 116,3 trai/100 gái... Có thể thấy, mất cân bằng giới tính khi sinh ở Việt Nam là do một số nguyên nhân như: Sự ưa thích sinh con trai trong bối cảnh giảm sinh, văn hóa Nho giáo với phong tục về việc mong muốn có con trai để nối dõi tông đường, thờ cúng tổ tiên cũng như đánh giá thấp giá trị của nữ giới trong gia đình và xã hội tại mỗi vùng, miền và việc tiếp cận các dịch vụ y tế dễ dàng hơn trong lựa chọn giới tính thai nhi khi mang thai hoặc chuẩn đoán giới tính thai nhi dẫn tới nạo phá thai vì lý do lựa chọn giới tính,... Việc lựa chọn giới tính trước khi sinh phản ánh tình trạng bất bình đẳng giới sâu sắc. Các nghiên cứu của quốc tế và Việt Nam cũng đã chỉ ra các hệ lụy tới cấu trúc gia đình và các vấn đề xã hội trong tương lai của tình trạng mất cân bằng giới tính hiện nay, tình trạng thiếu hụt số trẻ em gái quan sát được gần đây ở nhiều quốc gia sẽ dẫn đến tình trạng thiếu hụt phụ nữ ở tất cả các nhóm tuổi trong tương lai.

Xu hướng thứ ba, là kết hôn rất muộn, hoặc là không kết hôn, thậm chí sẵn sàng làm mẹ đơn thân. Điều đó ảnh hưởng trực tiếp đến vấn đề mức sinh ở Việt Nam. Theo PGS - TS Lê Quý Đức - nguyên Phó Viện trưởng Viện Văn hóa, phân tích có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng kết hôn muộn. Thứ nhất nhiều người ưu tiên đến chăm lo đời sống kinh tế trước rồi mới tính đến chuyện lập gia đình: *"Hiện nay thu nhập đầu người ở Việt Nam nhìn chung là vẫn còn thấp, như thế không đủ để tiến tới việc kết hôn và sinh con sớm. Lập gia đình sớm, sinh con ra sớm nhưng kinh tế cơm áo, gạo, tiền thiếu hụt đầu này đầu kia thì làm sao tạo cuộc sống tốt đẹp cho con. Thực tế hiện nay rất nhiều trẻ em bị cha mẹ trẻ bỏ rơi vì không thể nuôi nổi sau khi sinh ra"*, ông Đức nói. Thứ hai, nhiều phụ nữ hiện nay chưa muốn kết hôn sớm, họ muốn để bản thân tự do "bay nhảy" làm những gì mình thích, mình đam mê rồi sau đó mới kết hôn. Với xu hướng kết hôn và sinh con muộn như nhiều người hiện tại, giãn cách thế hệ sẽ thừa dân, dẫn đến sự thiếu hụt về mặt lao động cho xã hội.

Qua những biểu hiện của chức năng tái sản xuất ở Việt Nam, cho thấy chức năng này đang có những biến đổi tiêu cực. Đòi hỏi Đảng và nhà nước ta có những chính sách kịp thời để cân bằng lại quy mô, cơ cấu dân số. Tạo điều kiện cho gia đình phát triển cung cấp công dân tạo nguồn lực cho sự phát triển của xã hội.

2. Chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng:

Trong cuộc sống ngày nay, gia đình trong thời kỳ quá độ lên xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam đã có những thay đổi rất đáng kể. Ví dụ như thu nhập của gia đình ngày càng tăng dẫn đến nhu cầu về tiêu dùng càng tăng. Theo kết quả điều tra khảo sát mức sống của Tổng cục thống kê, cùng với sự phát triển không ngừng của xã hội, chi tiêu đời sống của gia đình có xu hướng tăng nhanh. Năm 2004 chi tiêu đời sống bình quân 1 hộ 1 tháng chỉ vào khoảng 1,5 triệu đồng, đến năm 2010 là khoảng 4,5 triệu đồng và 2016 lên tới 7,6 triệu

đồng. Qua 12 năm, chi tiêu tăng thêm 6,1 triệu đồng, tăng xấp xỉ 386%, cùng với sự gia tăng khoảng cách giữa thành thị và nông thôn. Năm 2004, chi bình quân hộ một tháng ở nông thôn là 1,2 triệu đồng và thành thị là 2,5 triệu đồng; năm 2010, mức chi tiêu này tăng lên lần lượt là 3,5 triệu đồng và 6,7 triệu đồng (chênh lệch giữa hai khu vực là 3,2 triệu đồng), năm 2016 là 6,1 triệu đồng và 10,8 triệu đồng (mức chênh lệch tăng lên thành 4,7 triệu đồng).

Qua đó thấy được, gia đình thực hiện chức năng tổ chức tiêu dùng hàng hóa để duy trì đời sống của gia đình về lao động sản xuất cũng như các sinh hoạt trong gia đình. Việc sử dụng hợp lý các khoản thu nhập của các thành viên trong gia đình vào việc đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần của mỗi thành viên cùng với việc sử dụng quỹ thời gian nhàn rỗi để tạo ra một môi trường văn hóa lành mạnh trong gia đình, nhằm nâng cao sức khỏe, đồng thời để duy trì sở thích, sắc thái riêng của mỗi người. Chức năng kinh tế của gia đình khẳng định gia đình không chỉ tạo ra nguồn thu nhập cho sự tồn tại của mình mà còn cung cấp lực lượng lao động, của cải cho xã hội và tham gia vào các quá trình kinh tế của xã hội từ sản xuất, phân phối đến trao đổi và tiêu dùng. Mọi nhân tài của đất nước, từ các anh hùng, vĩ nhân, cán bộ, những người lính cũng như các tầng lớp công nhân, nông dân, lao động tự do, trí thức đều xuất thân từ gia đình. Bước qua ngưỡng cửa của gia đình, họ có mặt trên tất cả các vị trí, điều tiết và vận hành bộ máy của xã hội.

3. Chức năng nuôi dưỡng, giáo dục:

Ở nước ta trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, gia đình đã được đánh giá là một trong những yếu tố quan trọng để thúc đẩy sự phát triển bền vững của xã hội. Việc tổ chức gia đình tốt và giáo dục trong gia đình chu đáo sẽ có tác động sâu sắc đến việc hình thành nhân cách con người, tạo tiền đề quan trọng để cung cấp nguồn nhân lực đáp ứng với yêu cầu của đất nước trong quá trình phát triển.

Gia đình, trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển không ngừng của nền kinh tế, sự thay đổi bộ mặt chung của xã hội, giáo dục gia đình thể hiện tính đa dạng và nhiều chiều. Giáo dục gia đình không chỉ gồm những ảnh hưởng từ phía cá nhân đối với cá nhân (giữa cha mẹ với con cái, giữa ông bà với cháu) mà còn bao gồm ảnh hưởng của cả tập thể gia đình liên kết với nhau tác động từng cá nhân qua lối sống, nếp sống, ở mỗi gia đình. Tính đa dạng còn thể hiện qua phương pháp giáo dục, không chỉ bằng lý thuyết mà còn bằng thực tiễn. Tính nhiều chiều trong giáo dục gia đình thể hiện qua việc các thành viên của gia đình tiếp xúc rộng rãi với các mối quan hệ trong xã hội và có sự giáo dục lẫn nhau giữa các thành viên trong gia đình không phân biệt thế hệ, giới tính... Điều này mang tới những dấu hiệu tích cực trong việc thực hiện chức năng giáo dục của gia đình. Việc giáo dục trong gia đình giờ đây trở nên sinh động, phong phú, phù hợp với tâm lý, nhu cầu của mỗi thành viên trong gia đình.

Điều đáng lo ngại hiện nay là, vì những lý do khác nhau, một bộ phận gia đình đã không thật sự trở thành "tổ ấm" cho mỗi con người. Nếu cấu trúc gia đình lỏng lẻo, liên kết giữa các thành viên gia đình yếu, các thành viên gia đình không được đối xử bình đẳng, cha mẹ thiếu gương mẫu và không có thời gian hoặc không quan tâm chăm sóc, giáo dục trẻ em, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xung đột, bạo lực gia đình gia tăng... thì gia đình khó có thể làm tốt chức năng giáo dục, các thành viên trong gia đình khó hòa thuận, hạnh phúc và đặc biệt con cái khó có thể sống trong tình yêu thương, ấm no và hình thành nhân cách tốt. Theo thống kê của Cục Cảnh sát hình sự, Bộ Công an, trung bình mỗi năm có ít nhất 13.000 người dưới 18 tuổi VPPL. Phần lớn VPPL do người dưới 18 tuổi thực hiện là VPHC, trung bình chiếm gần 63%. Trong giai đoạn 2013-2019, số vụ VPHC do người dưới 18 tuổi thực hiện giảm mạnh (66%), trong khi số vụ phạm tội hình sự giảm với tốc độ chậm hơn nhiều (gần 35%). Điều đó khiến cho tỷ trọng các vụ phạm tội hình sự trên tổng số VPPL do người dưới 18 tuổi thực hiện lại tăng lên. Trong số vụ VPPL

do người dưới 18 tuổi thực hiện, các hành vi xâm phạm sở hữu là phổ biến nhất (gần 46%), đặc biệt là trộm cắp tài sản (gần 38%). Các hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người khác chiếm hơn 18% trên tổng số vi phạm. Đi sâu vào nghiên cứu số liệu phạm tội hình sự, gần 71% người dưới 18 tuổi bị khởi tố về một trong bốn tội danh sau: Trộm cắp tài sản (34%), cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (16,8%), cướp tài sản (11,9%), và cướp giật tài sản (8,1%).

Có nhiều nguyên nhân cụ thể của tình hình nêu trên nhưng điều quan trọng nhất là chúng ta chưa nhận thức đầy đủ vai trò của gia đình với tư cách là một thiết chế xã hội đặc thù có mối quan hệ chặt chẽ với các thiết chế khác trong hệ thống xã hội tổng thể, sự vững mạnh hay bất cập của gia đình sẽ có tác động lớn đối với việc quản lý xã hội nói chung. Cũng từ nguyên nhân đó, giáo dục gia đình chưa được coi trọng. Bản thân một số người làm cha làm mẹ chưa thật sự gương mẫu với các con, đôi khi còn là hình ảnh xấu cho các con làm theo. Con người mẫu mực thường xuất thân trong các gia đình có nền giáo dục cao (gia giáo), ngược lại những gia đình khủng hoảng, bỏ rơi con cái, quan hệ phức tạp sẽ tạo ra những con người ốm yếu về thể chất, tinh thần hoặc rơi vào tệ nạn xã hội và tệ hại hơn là vi phạm pháp luật, tội phạm.

4. Chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, tình cảm gia đình:

Một gia đình hạnh phúc, hoà thuận sẽ tác động tới cộng đồng, thúc đẩy xã hội vận động tạo ra sự biến đổi và phát triển. Gia đình hạnh phúc bền vững không chỉ có sự "no ấm, bình đẳng, tiến bộ" mà còn là nơi hội tụ tổng thể những nét đẹp văn hoá của mỗi gia đình, cộng đồng và xã hội. Nó được thể hiện qua thái độ, hành vi, cách cư xử trong gia đình, trong đó phải đảm bảo các nguyên tắc: Đối với người trên phải tôn kính, lễ độ, khiêm tốn và quan tâm, chăm sóc; đối với người dưới phải biểu lộ thái độ thông cảm, nhường nhịn, giúp đỡ, vị tha; đối với người cùng thế hệ phải hết sức tôn trọng, chân

thành, bác ái; trong quan hệ vợ chồng phải hoà thuận trên cơ sở tình yêu thương chung thuỷ và sự hiểu biết lẫn nhau.

Tuy nhiên, tình cảm gia đình trong hiện đại lại đang có xu hướng trở nên lạnh nhạt giữa các thành viên trong gia đình. Mâu thuẫn, xung đột gia đình mà đỉnh điểm là bạo lực gia đình nghiêm trọng, trong đó nổi bật nhất là bạo lực của người chồng đối với người vợ và bạo lực của cha mẹ đối với con cái. Những trẻ em sinh ra và lớn lên trong các gia đình thường xuyên phải chứng kiến hành vi bạo lực của cha đối với mẹ, những cảnh mắng chửi nhau giữa các thành viên gia đình, những lần bị đòn roi từ cha mẹ, cũng có xu hướng áp dụng các hành vi bạo lực đối với người khác trong tương lai. Báo cáo Điều tra quốc gia về bạo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam năm 2019 cho thấy, cứ 03 phụ nữ thì có gần 02 phụ nữ (gần 63%) bị một hoặc hơn một hình thức bạo lực thể xác, tinh dục, tinh thần và bạo lực kinh tế cũng như kiểm soát hành vi do chồng gây ra trong cuộc đời và gần 32% phụ nữ bị bạo lực hiện thời (trong 12 tháng qua). Theo kết quả thống kê của Vụ Gia đình - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, từ năm 2011 tới 2015, trung bình mỗi năm, nước ta xảy ra hơn 31.500 vụ bạo lực gia đình, mỗi ngày có 64 phụ nữ, 10 trẻ em là nạn nhân của hành vi bạo lực. Trong tổng số 157.859 vụ bạo lực gia đình được phát hiện từ năm 2011 đến năm 2015, trường hợp nạn nhân là phụ nữ (từ 16 đến 59 tuổi) chiếm 74,24%. Từ số liệu thống kê cho thấy chất lượng tình cảm gia đình của Việt Nam đang là vấn đề đáng lo ngại cần Đảng và nhà nước quan tâm vì sự nghiệp xây dựng một xã hội văn minh tiến bộ.

CHƯƠNG 3: QUAN ĐIỂM CÁ NHÂN ĐỐI VỚI CÁC VẤN ĐỀ TRONG GIA ĐÌNH XÃ HỘI HIỆN NAY

Trong những thập niên qua, gia đình Việt Nam đã trải qua những biến chuyển quan trọng, từ gia đình truyền thống sang gia đình với những đặc điểm mới, hiện đại và tự do hơn. Quá trình hội nhập quốc tế, trong đó có hội nhập và giao lưu văn hóa làm xuất hiện những quan điểm cởi mở hơn về hôn nhân và gia đình Việt Nam.

1. Quan điểm cá nhân về những biến đổi các chức năng gia đình trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội:

1.1. Tác động tích cực:

Sự biến đổi về hình thái, các chức năng, mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình và vai trò của người phụ nữ trong gia đình... đã làm cho gia đình Việt Nam có điều kiện phát triển kinh tế, trở thành một thực thể ngày càng hoàn thiện, năng động và phù hợp với những điều kiện kinh tế - xã hội có nhiều biến động và giao lưu hội nhập với các nền văn hóa, các thành tựu của văn minh nhân loại.

Những biến đổi trên chính là một quá trình liên tục bảo tồn, truyền thụ, phát huy những giá trị truyền thống; đồng thời tiếp thu có chọn lọc và cải biến những giá trị tiên tiến, những tinh hoa của gia đình hiện đại. Tiêu biểu: những giá trị quý báu của gia đình Việt Nam truyền thống vẫn được bảo tồn và phát huy như: tình yêu đôi lứa trong sáng, lòng chung thủy, tình nghĩa vợ chồng, đức từ của cha mẹ đối với con cái, đạo hiếu của con cái đối với cha mẹ, sự nhường nhịn, thương yêu nhau của anh em trong một nhà... Đồng thời gia đình Việt Nam cũng tiếp thu nhiều tinh hoa, giá trị tiên tiến của gia đình hiện đại như: tôn trọng tự do cá nhân, dân chủ trong mọi quan hệ, bình đẳng nam nữ... Đây chính là những đặc trưng của gia đình truyền thống được phát huy và cũng chính là những nhân tố giúp gia đình Việt Nam được xây dựng và

củng cố theo xu hướng hiện đại hóa (dân chủ, bình đẳng, tự do, tiến bộ...), thích nghi với sự tiến bộ của nhân loại.

1.2. Tác động tiêu cực:

Cùng với những cơ hội và những điều kiện thúc đẩy sự phát triển tiến bộ, gia đình Việt Nam cũng chịu nhiều tác động tiêu cực và đang đứng trước nhiều nguy cơ, thách thức. Cuộc sống của xã hội hiện đại với sự phát triển mạnh mẽ của các thành phần kinh tế, ở một góc độ nào đó đã phá vỡ nề nếp gia phong, đạo đức của gia đình truyền thống Việt Nam. Nhịp sống hối hả với những vòng quay của công việc, học hành khiến những bữa cơm gia đình hiếm khi đông đủ. Cuộc sống tiện nghi với những phương tiện công nghệ cao đã tạo nên những “ốc đảo” ngay trong mỗi gia đình, khiến cho cá nhân sống khép kín. Thêm vào đó, lối sống thực dụng ích kỉ, đề cao cuộc sống hưởng thụ, cổ súy cho tư tưởng tự do phát triển cá nhân... cũng đã và đang là nguy cơ làm mai một, xói mòn nhiều giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp của gia đình. Quan hệ giữa các thành viên trong gia đình trở nên lỏng lẻo. Đây cũng chính là một trong những nguyên nhân của sự rạn nứt trong gia đình ngày nay và là nguồn gốc của những biểu hiện tiêu cực trong xã hội như tệ nạn xã hội (ma túy, mại dâm, cờ bạc, rượu chè... xâm nhập vào một số gia đình và đã làm mai một các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của gia đình và gây nhiều hậu quả cho xã hội), văn hóa ứng xử xuống cấp, đạo đức bị coi nhẹ hay tình trạng li hôn, li thân, sống chung như vợ chồng mà không đăng kí kết hôn, quan hệ tình dục trước hôn nhân và việc nạo phá thai trong giới trẻ gia tăng...

Ngoài ra còn phải kể đến những tác động khác như: sự suy giảm vai trò ảnh hưởng của cha mẹ đối với con cái (do con cái có nhiều cách tạo thu nhập mà không cần dựa vào nguồn kinh tế của cha mẹ), quỹ thời gian dành cho việc chăm sóc con cái và người già suy giảm (do sự tham gia của người phụ nữ vào các công việc tạo thu nhập cho gia đình), sự ảnh hưởng của học vấn vào các chuẩn mực của lòng hiếu thảo của con cháu (thời gian học ở trường của

con cái và thời gian làm việc ngoài xã hội của cha mẹ tăng dẫn đến việc giáo dục và hướng dẫn của cha mẹ về lòng hiếu thảo, sự mang ơn đối với ông bà giảm...), mâu thuẫn giữa các thế hệ về phép ứng xử, lối sống và vấn đề chăm sóc người cao tuổi đang đặt ra nhiều thách thức mới, tình trạng bạo hành trong gia đình vẫn còn tồn tại...

2. Quan điểm cá nhân về các gia đình mới xuất hiện trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội:

Các kiểu loại gia đình mới như hôn nhân đồng giới, chung sống không kết hôn, làm mẹ đơn thân, tùy từng giai đoạn, thường rất hiếm hoặc không có trong truyền thống nhưng lại có xu hướng gia tăng trong các xã hội đang chuyển đổi từ xã hội nông nghiệp sang xã hội công nghiệp, hiện đại. Ở Việt Nam hiện nay, một bộ phận người dân, chủ yếu là người dân tộc Kinh, trẻ tuổi, học vấn cao, ở thành thị có tỷ lệ chấp nhận những kiểu loại gia đình mới cao hơn, tuy rằng có thể chưa thực sự hiểu rõ những hệ quả tiêu cực của nó.

Với những thay đổi lớn trong kinh tế, xã hội và hội nhập quốc tế, những hình thức hôn nhân gia đình mới ủng hộ tính cá nhân có xu hướng tăng. Nghiên cứu cho thấy 38,5% người trả lời chấp nhận sống độc thân - mức độ này được chấp nhận cao hơn ở nữ giới và nhóm xã hội mang nhiều đặc điểm hiện đại; 28,4% có nhu cầu, mong muốn sống thử trước khi kết hôn; 58,3% không ủng hộ sống thử. Tỷ lệ này cho thấy nhóm người vẫn theo khuôn mẫu truyền thống trong kết hôn tuy vẫn chiếm tỷ lệ cao nhưng không mang tính gần như tuyệt đối như trong xã hội truyền thống trước đây.

2.1. Sống thử trước hôn nhân:

Có thể nói sống thử đang là xu hướng phổ biến trong lối sống giới trẻ hiện nay. Họ có cách nghĩ, lối sống hiện đại hơn và có quan niệm giới tính thoáng hơn trước đây. Lối sống thử hiện nay đã thể hiện phần nào lối sống “tây hóa” của một bộ phận giới trẻ. Sống thử là tình trạng hai người khác giới sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng kí kết hôn theo quy định

của pháp luật. Sống thử còn là cơ hội để những người trong cuộc có thể “thực tập” trước những vấn đề của cuộc hôn nhân như: Tài chính, công việc, sinh hoạt, gia đình. Song song với những mặt tích cực luôn tồn tại thoe đó là tiêu cực mang lại khi chúng ta sống thử. Chính là những mâu thuẫn từ những chuyện nhỏ hằng ngày đến những quan điểm suy nghĩ khác nhau khi yêu chúng ta không biết đến. Dẫn đến những cuộc sống thử thường kết thúc một cách rất nhanh chóng.

Tuy nhiên có thể thấy rằng các chức năng của gia đình cũng được thể hiện một cách rất cụ thể. Ví dụ như chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng, khi các cặp đôi sống thử họ sẽ phải tập chi tiêu kinh tế của hai người một cách hợp lý nhất. Hay chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý tình cảm gia đình khi ấy hai người phải biết cách duy trì tình cảm gia đình hòa thuận tránh các xung đột có thể xảy ra...

2.2. Vấn đề mẹ đơn thân:

Gia đình đơn thân là hình thái gia đình chỉ có một thành viên hoặc chỉ có bố hoặc mẹ và con cái. Nhưng phổ biến hơn cả là những bà mẹ đơn thân hay còn gọi là “single mom”. Gia đình đơn thân là một sự biến đổi của hình thái gia đình cá thể. Điều thú vị là xã hội dường như không sốc trước hiện tượng này và trong một bộ phận nhất định còn thông cảm và ủng hộ những phụ nữ đó. Theo kết quả điều tra năm 2006 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tổng cục Thống kê, Viện Gia đình và Giới tiến hành, tỷ lệ độc thân chiếm khoảng 2,5% dân số Việt Nam, trong đó chủ yếu là nữ giới với tỷ lệ 87,6% tổng số người độc thân. Như vậy, có thể thấy hình thái gia đình đơn thân bắt đầu trở thành một hiện tượng khá phổ biến trong xã hội Việt Nam.

Như vậy, sự ra đời và phát triển của gia đình đơn thân phản ánh sự thay đổi sâu sắc và mạnh mẽ trong lòng xã hội Việt Nam. Đồng thời, nó làm cho một số vấn đề của gia đình bị biến đổi, thể hiện cụ thể như sau:

Về kinh tế, hầu hết gia đình đơn thân là gia đình chỉ có mẹ và con mà thiếu vắng người cha. Người mẹ đơn thân phải đảm đương gánh nặng kinh tế gấp ít nhất hai lần so với người mẹ trong gia đình đầy đủ. Hầu hết gia đình đơn thân đều gặp khó khăn về kinh tế, họ góp phần làm gia tăng gánh nặng của xã hội về nghèo đói, thiếu lương thực, mức sống thấp...

Về văn hóa, gia đình vốn là nơi sản sinh và lưu giữ nhiều giá trị văn hóa của dân tộc. Tuy nhiên, với gia đình đơn thân, nhiều giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp có nguy cơ bị phá vỡ. Một ví dụ điển hình là: tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên được hình thành và nuôi dưỡng trong môi trường gia đình, nhưng với những bà mẹ đơn thân, đặc biệt là bà mẹ đơn thân sinh con gái thì việc tạo lập và duy trì bàn thờ tổ tiên dễ mất đi một cách tự nhiên do truyền thống chỉ người con trai mới lập bàn thờ tổ tiên, thờ cúng cha mẹ. Người Việt Nam vốn trọng huyết thống, mối liên hệ dòng họ, làng xóm luôn được đặt lên hàng đầu. Tuy nhiên, với hình thái gia đình đơn thân những mối liên hệ ấy trở nên lỏng lẻo, thậm chí biến mất khỏi hệ thống dòng họ.

Về giáo dục, người mẹ bao giờ cũng đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ tinh thần, nuôi dưỡng và duy trì gia đình. Trẻ em sẽ dựa vào mẹ nhiều hơn bởi mối quan hệ mẹ con được thành lập từ khi mang thai cho đến lúc sinh con và khi đứa trẻ lớn khôn. Mối quan hệ mẹ con được thành lập từ khi mang thai cho đến lúc sinh con, và khi đứa trẻ lớn khôn. Trong gia đình, mẹ là người chăm sóc trực tiếp và là sợi dây liên kết bền chặt các thành viên. Tuy nhiên, người cha lại là trụ cột gia đình, đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành nhân cách và định hướng phát triển tương lai của con trẻ. Khi không có người đàn ông bên cạnh, bà mẹ đơn thân phải trở thành trụ cột gia đình. Họ phải thực hiện đầy đủ hai bổn phận vừa làm cha, vừa làm mẹ. Do đó, bà mẹ không có đủ thời gian cần thiết để hỗ trợ, chăm sóc, giám sát con cái đầy đủ. Vì vậy, dù cho người mẹ có tài giỏi đến đâu, có mang cho con thật nhiều hạnh phúc vẫn để lại một khoảng trống đối với con trẻ. Chúng dễ bị tổn

thương tâm lý và thiếu thốn tình cảm của người cha dẫn tới sự mất cân bằng về tâm sinh lý, đặc biệt đối với bà mẹ đơn thân sinh con trai.

Xã hội luôn biến động, gia đình cũng vì thế luôn biến động để tìm ra một hình thức gia đình ưu việt nhất. Sự ra đời của mô hình bà mẹ đơn thân chỉ là một phần trong quá trình biến đổi ấy. Xu hướng này chắc chắn sẽ tồn tại, phát triển lan rộng trong thời gian tới nhưng không thể phổ biến trong xã hội, trở thành hình thức tổ chức đời sống thay thế cho gia đình vì nó có quá nhiều khiếm khuyết. Tuy nhiên, trong những trường hợp cụ thể, mô hình này lại là một lựa chọn ưu việt và nó vẫn tồn tại trong xã hội phức tạp. Chính vì thế, xã hội nên có cái nhìn phóng khoáng với xu hướng này và định hướng để nó phát triển theo hướng đúng đắn.

KẾT LUẬN

Có thể nhận thấy các chức năng của gia đình đã có những chuyển biến hết sức rõ rệt. Nó đem lại cho xã hội cả những mặt tích cực và tiêu cực đòi hỏi Đảng và nhà nước ta phải quan tâm một cách cụ thể và xây dựng những đường lối chính sách một cách khoa học để tạo điều kiện cho gia đình được phát triển một cách có hiệu quả nhất. Do vậy, để phát triển gia đình Việt Nam hiện nay cần tiếp tục nghiên cứu, nhân rộng xây dựng các mô hình gia đình văn hóa trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa với những giá trị mới tiên tiến cần tiếp thu và dự báo những biến đổi về gia đình trong thời kỳ mới, đề xuất hướng giải quyết những thách thức trong lĩnh vực gia đình. Cần hỗ trợ phát triển kinh tế hộ gia đình; phát triển giáo dục nhằm nâng cao dân trí; đẩy mạnh công tác xóa đói giảm nghèo; tăng cường thực hiện công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình; đẩy mạnh việc thực hiện nghiêm chỉnh hệ thống chính sách xã hội đối với các gia đình chính sách; tiếp tục mở rộng tuyên truyền, phổ biến kiến thức về giới góp phần thiết thực tạo lập sự bình đẳng giới trong gia đình và xã hội...

Do hạn chế dung lượng và thời gian nghiên cứu giới hạn nên còn nhiều vấn đề mà bài luận chưa thể đề cập đến do đó không thể tránh khỏi những hạn chế và thiếu sót, tôi sẽ cố gắng khắc phục trong các bài nghiên cứu tiếp theo./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Học viện ngân hàng: khoa Lý luận chính trị, *Tài liệu học tập và bài tập thực hành Chủ nghĩa xã hội khoa học*.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*.
3. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, *giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học* (Tái bản có sửa chữa, bổ sung).
4. Bài viết: *Công nghiệp hóa và sự biến đổi của gia đình việt nam*, Lâm Ngọc Như Trúc.
5. Bài viết: *Những biến đổi của gia đình Việt Nam hiện nay và một số khuyến nghị chính sách*.
6. Báo chính phủ: *Mất cân bằng giới tính khi sinh đã ở mức nghiêm trọng*.
7. Bài viết: *Chuyên gia phân tích lý do khiến giới trẻ kết hôn, sinh con muộn và những hệ lụy đi kèm*.
8. Trang web: <https://thongtinphapluatdansu.edu.vn/2020/06/22/nhung-bien-doi-cua-gia-dnh-viet-nam-hien-nay-v-mot-so-khuyen-nghi-chnh-sch/>
9. Trang web: <https://nhandan.com.vn/tin-tuc-xa-hoi/gia-dinh-va-giao-duc-gia-dinh-trong-boi-canhh-xa-hoi-ngay-nay-296595>.
10. Trang web: <http://csnd.vn/Home/Nghien-cuu-Trao-doi/6685/Tinh-hinh-nguoi-duoi-18-tuoi-vi-pham-phap-luat-trong-giai-doan-hien-nay-va-mot-so-giai-phap-nang-cao>.
11. Trang web: <https://nhandan.com.vn/tin-tuc-xa-hoi/gia-dinh-va-giao-duc-gia-dinh-trong-boi-canhh-xa-hoi-ngay-nay-296595>
12. Trang web: <https://nhandan.com.vn/cung-suy-ngam/bao-luc-gia-dinh-khong-phai-la-chuyen-trong-nha-369821>.
13. Trang web: <https://edu2review.com/news/giai-tri/van-de-song-thu-trong-sinh-vien-3429.html>.
14. Trang web: http://svhttdl.tiengiang.gov.vn/lich-lam-viec-cua-lanh-ao/-/asset_publisher/LTKhIEQ3Qmto/content/xay-dung-gia-inh-hanh-phuc-ben-vung-thuc-trang-va-giai-phap